TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ D** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HS-ST
Ngày: 28/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D – TỈNH GIALAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tố Uyên – Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phi Khanh, ông Nguyễn Bá Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Gia lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Gia lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn TH (tên gọi khác: M) - Sinh năm: 1993; tại Gia Lai.

Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Tổ 6, phường PĐ, thành phố D, tỉnh Gia Lai; Trình độ học vấn: 09/12 - Nghề nghiệp: Thợ sơn; Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không.

Cha: Nguyễn TD - Sinh năm 1970; mẹ Nguyễn TP– sinh năm: 1971, hiện cha, mẹ trú tại: Tổ 6, phường PĐ, thành phố D, tỉnh Gia Lai.

Bị cáo có 03 anh, chị, em ruột (lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 1998).

Bị cáo chưa có vợ; Tiền sự: không.

Tiền án: 03 lần; Tại Bản án số 146/2011/HS-ST ngày 23/9/2011 của Tòa án nhân dân thành phố D, xử phạt bị cáo Nguyễn TH 09 tháng tù, về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Ngày 01/3/2012, chấp hành xong hình phạt về địa phương: Ngày 06/3/2013 tại Bản án số 30/2013/HS-ST ngày 06/3/2013 của Tòa án nhân dân thành phố D, đã xét xử tuyên phạt bị cáo 24 tháng tù, về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm

2009; Ngày 08/11/2014, chấp hành xong hình phạt về địa phương; Ngày 06/8/2015 tại Bản án số 90/2015/HS-ST ngày 06/8/2015 của Tòa án nhân dân thành phố D, đã xét xử tuyên phạt bị cáo 30 tháng tù, về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Ngày 13/8/2017, chấp hành xong hình phạt về địa phương.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/11/2018 sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay. Bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữa Công an thành phố D, tỉnh Gia Lai.

- *Người Bị hại*:

Anh Võ TH – sinh năm: 1980. (vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Tổ 2, phường TB, thành phố D, tỉnh Gia Lai.

- *Người chứng kiến:*

1. Anh Trần ĐT – sinh năm: 1993.(vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã BN, huyện C, tỉnh Gia Lai.

2. Lê Mộng Sơn – sinh năm 1993. (vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Xã BM, huyện C, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 21/11/2018, Nguyễn TH đi bộ từ phòng trọ số 306/56 đường TC lên đầu hẻm số 308 đường TC, phường TB, thành phố D thì TH nhặt được 01 chìa khóa xe mô tô nên TH cất chiếc chìa khóa này vào túi quần rồi đi tiếp. Khi đi đến quán nước mía ở đầu hẻm số 318 đường TC, thấy có chiếc xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ - đen biển số 81K7-7127 của anh Võ TH (sinh năm 1980, trú tại: Tổ 2, phường TB, thành phố D) dựng ở phía trước, không có người trông coi, TH đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này để làm phương tiện đi lại. Ngay lúc này, TH đi đến ngồi lên chiếc xe này rồi lấy chiếc chìa khóa vừa nhặt được cắm vào ổ khóa điện thì mở được. TH nổ máy điều khiển chiếc xe mô tô trên bỏ chạy về hướng ngược lại về đầu hẻm 308 đường TC. Anh TH đang ngồi uống nước mía (cách chỗ dựng xe khoảng 03 mét) thì phát hiện xe bị TH lấy và đang điều khiển xe bỏ chạy cách anh TH khoảng 300m nên liền tri hô và chạy bộ đến kéo đuôi xe lại nhưng TH vẫn điều khiển xe bỏ chạy. Anh TH tiếp tục chạy bộ đuổi theo Hải đến hẻm số 308 đường TC, do anh TH vẫn tiếp tục đuổi theo phía sau, nên TH dừng bỏ xe lại, rồi bỏ chạy. Khi TH chạy bộ được khoảng 05 mét thì TH gặp hai người bạn là Lê MS (tên gọi khác là B, sinh năm 1993, trú tại xã BM, huyện CS, tỉnh Gia Lai) và Trần ĐT (tên gọi khác là A, sinh năm 1993, trú Thôn ĐT, xã BN, huyện CS, tỉnh Gia Lai) đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vision biển số 81B1-201.50 nên TH nhờ chở về phòng trọ. Khi đi đến cuối hẻm số 308 đường TC thì TH bị lực lượng Công an phường TB bắt giữ. Công an phường đã

dẫn giải TH về trụ sở Công an phường lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn TH, thu giữ 01 chìa khóa bằng kim loại màu trắng, dài 05cm, phần kim loại có ghi C32640, một đầu có bọc vỏ nhựa màu đen, hai bên phần nhựa có ghi dòng chữ Yamaha, chiếc xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ - đen, biển số 81K7-7127, số máy 5C62033364, số khung 207Y033364.

Tại kết luận định giá số: 181/KL-HĐĐG, ngày 26/11/2018 kết luận *"01 xe mô tô biển số 81K7-7127 nhãn hiệu Yamaha, màu đỏ đen, số máy 5C62033364, số khung 207Y033364 đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 21/11/2018 có giá trị là 8.000.000 đồng"*.

Tại bản cáo trạng số 13/CTr-VKS ngày 23/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D đã truy tố bị cáo Nguyễn TH về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn TH phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017;

Áp dụng: Điều 38; Điều 50; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo từ 36 đến 42 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 21/11/2018.

Căn cứ Điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo Nguyễn TH phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn TH khai nhận: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 21/11/2018, tại đầu hẻm 318 đường TC, phường TB, thành phố D, tỉnh Gia Lai, bị cáo nhìn thấy 01 xem mô tô hiệu Sirius màu đỏ đen biển kiểm soát 81K7-7127 dựng ở trước đường đầu hẻm không có người trông coi, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên và bị chủ sở hữu phát hiện truy hô, bị cáo bỏ chạy bị mọi người bắt giữ. Trị giá tài sản trộm cắp là 8.000.000 đồng.

Người bị hại anh Võ TH khai tại hồ sơ: Vào lúc 14 giờ 30 phút, ngày 21/11/2018 anh TH bị kẻ gian lấy trộm 01 xem mô tô hiệu Sirius màu đỏ đen biển kiểm soát 81K7-7127. Sau khi phát hiện anh TH truy hô và bắt được bị cáo và anh đã nhận lại tài sản. Anh TH không yêu cầu bồi thường về phần dân sự,về hình phạt xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn TH thể hiện sự táo bạo, liều lĩnh, lợi dụng sự sơ hở của người bị hại, không đề phòng, cảnh giác nên bị cáo đã lén lút tiếp cận xe mô tô đang dựng ở lề đường và lấy chìa khóa nhặt được mở khóa, để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo đã có ba tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích (Bản án số 146/2011/HS-ST ngày 23/9/2011 của Tòa án nhân dân thành phố D, xử phạt bị cáo Nguyễn TH 09 tháng tù, về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; tại Bản án số 30/2013/HS-ST ngày 06/3/2013 của Tòa án nhân dân thành phố D, đã xét xử tuyên phạt bị cáo 24 tháng tù, về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; tại Bản án số 90/2015/HS-ST ngày 06/8/2015 của Tòa án nhân dân thành phố D, đã xét xử tuyên phạt bị cáo 30 tháng tù, về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009), lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng, đó là:*"Tái phạm nguy hiểm"* được quy định tại các Điểm g Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017. Hành vi trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên Hội đồng xét xử cũng có phần xem xét trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, người bị hại xin giảm nhẹ

hình phạt cho bị cáo. Nên áp dụng điểm s khoản 1 khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung 2017.

3. Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Lê MS và Trần ĐT, là những người đã điều khiển xe chở TH đi sau khi TH bỏ chạy nhưng MS và ĐT đều không biết việc TH vừa thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và không có sự thống nhất trước với TH nên hội đồng không xem xét.

4. Vật chứng là 01 chìa khóa bằng kim loại màu trắng, dài 05cm, phần kim loại có ghi C32640, một đầu có bọc vỏ nhựa màu đen, hai bên phần nhựa có ghi dòng chữ Yamaha, chiếc xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ - đen, biển số 81K7-7127, số máy 5C62033364, số khung 207Y033364 không có giá trị sử dụng tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố bị cáo **Nguyễn TH** phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung 2017.

Áp dụng: Điều 38; Điều 50; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn TH 36 (Ba mươi sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 21/11/2018.

2. Căn cứ Điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 chìa khóa bằng kim loại màu trắng, dài 05cm, phần kim loại có ghi C32640, một đầu có bọc vỏ nhựa màu đen, hai bên phần nhựa có ghi dòng chữ Yamaha không có giá trị sử dụng. (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/01/2019 giữa Công an thành phố D và chi cục Thi hành án dân sự thành phố D)

3. Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn TH phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4.Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 28/3/2019) bị cáo được quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND thành phố D;
-Công an thành phố D;
-Chi cục THA dân sự;
-Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
-Bị cáo; Người bị hại;
-Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trần Thị Tố Uyên